

Bản án số: 126/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 25/8/2020

V/v: "Ly hôn".

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO BẰNG - TỈNH CAO BẰNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thúy Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Vũ Kim Hoa

2. Ông Nguyễn Văn Hòa

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hanh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng tham gia phiên tòa:*
Ông Hoàng Trường Long - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 8 năm 2020 tại Trụ sở tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng. Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 22/2020/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2020 về tranh chấp: "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 147/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Nông Thị T - sinh năm 1966;

Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở hiện nay: Tổ B cũ (nay là tổ N), phường S, thành phố C, tỉnh Cao Bằng; "Có mặt tại phiên tòa".

Bị đơn: Lâm Ngọc T - sinh năm 1962;

Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở hiện nay: Tổ B cũ (nay là tổ H), phường S, thành phố C, tỉnh Cao Bằng; "Vắng mặt không có lý do".

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện về việc xin ly hôn ngày 19 tháng 02 năm 2020; Bản tự khai ngày 07 tháng 5 năm 2020 và tại phiên tòa nguyên đơn Nông Thị T trình bày: Bà và ông Lâm Ngọc T kết hôn năm 1988, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có tình cảm và tổ chức lễ cưới ở hai bên gia đình, đăng ký kết hôn tháng 3 năm 1988 tại Ủy ban nhân dân phường H, thành phố C, tỉnh Cao Bằng. Thời điểm kết hôn bà T công tác tại Ngân hàng nông nghiệp Cao Bằng. Đến năm 1992 xin nghỉ về nhà cùng ông T kinh doanh tự do tại phường H, thành phố C. Hiện nay bà kinh doanh quán cà phê tại phường S, thành phố Cao Bằng.

- Về quá trình chung sống vợ chồng: Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận được khoảng 05 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Vợ chồng phát sinh mâu thuẫn bắt đầu từ năm 1993. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông T chơi bời, cờ bạc, hay uống rượu rồi quấy nhiễu gia đình, không có trách nhiệm với gia đình, khi kinh tế gia đình khó khăn không giúp gánh vác, khi có việc cần bàn bạc với ông T không đồng tình, không nhất trí, bà T tự gánh vác giải quyết, bên cạnh đó ông T còn có tính gia trưởng. Ngoài ra, còn do ông T có quan hệ ngoại tình với người phụ nữ khác. Quá trình mâu thuẫn vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, xô xát nhiều lần nhưng không gây thương tích, khi ông T gây nhiễu gia đình, chửi mắng, đánh bà và nhân viên quán cà phê của bà có sự can thiệp, chứng kiến của Công an phường S, thành phố Cao Bằng. Gia đình, anh em có góp ý nhưng không được, ông T không thay đổi. Đến năm 2017 vợ chồng bà sống ly thân. Bà đã gửi đơn ly hôn đến Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng vào năm 2000 và năm 2018. Mâu thuẫn vợ chồng đã được Tòa án hòa giải quay về đoàn tụ. Tuy nhiên, sau đó việc khắc phục mâu thuẫn, hàn gắn tình cảm vợ chồng không có kết quả, vợ chồng bà vẫn không cải thiện được tình cảm, mặc dù bà đã cố gắng hết sức và cho ông T nhiều cơ hội. Mâu thuẫn giữa bà và ông T đã kéo dài. Đến nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không thể khắc phục, không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa nên bà yêu cầu ly hôn với ông T.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung tên là Lâm Ngọc H (sinh ngày 25/9/1998; giới tính: Nam). Hiện nay con chung đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Có tài sản chung nhưng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 28/5/2020, bị đơn ông Lâm Ngọc T trình bày: Về quan hệ hôn nhân, ông T không nhất trí ly hôn bà Nông Thị T. Ngoài ra, ông T không cung cấp thêm thông tin nào khác.

Tại phiên tòa sơ thẩm, về quan hệ hôn nhân nguyên đơn Nông Thị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng không còn khả năng đoàn tụ, yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn. Về con chung đã đến tuổi trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung, bà T xác định quá trình chung sống vợ chồng có tài sản chung nhưng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung, có nợ chung nhưng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn Lâm Ngọc T vắng mặt (không có lý do), mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn Lâm Ngọc T không có yêu cầu phản tố, do vậy căn cứ quy định của pháp luật Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn Lâm Ngọc T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

1. Việc tuân theo pháp luật tố tụng:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng theo quy định tại Điều 48, 195, 196, 197, 198, 203, 239 và 243 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 trong quá trình giải quyết vụ án; Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về việc xét xử sơ thẩm vụ án; Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của họ theo quy định của pháp luật.

2. Về việc giải quyết vụ án:

Bà Nông Thị T và ông Lâm Ngọc T xây dựng gia đình tháng 3 năm 1988 trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng. Quá trình sinh sống hạnh phúc đến năm 2000 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, cả hai đã sống ly thân từ năm 2017 cho đến nay. Theo bà T nguyên nhân mâu thuẫn là do ông T ngoại tình, không có trách nhiệm với gia đình. Quá trình mâu thuẫn năm 2000 bà T nộp đơn ly hôn tới Tòa án, sau đó được Tòa án hòa giải, cả hai sống chung với nhau đến năm 2017 tiếp tục mâu thuẫn. Bà T mong muốn được ly hôn ông T.

Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, ông Lâm Ngọc T có ý kiến không nhất trí ly hôn với bà T. Ngoài ra, không cung cấp thêm bất cứ thông tin nào khác.

Theo các tài liệu có trong hồ sơ cho thấy bà T ông T có quan hệ vợ chồng từ năm 1988 và sinh sống tại phường H, thành phố Cao Bằng, đến năm 2009 chuyển về sinh sống tại tổ B cũ (nay là tổ H) phường S, thành phố Cao Bằng. Quá trình chung sống giữa hai vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do ông T nóng tính, thường xuyên chửi vợ và có lần đã đánh vợ. Bà T đã 02 lần gửi đơn đến Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng đề nghị ly hôn ông T, Tòa án đã hòa giải nhưng đến nay vợ chồng vẫn không khắc phục được mâu thuẫn.

Tại phiên tòa, nguyên đơn Nông Thị T có ý kiến ông T thường xuyên gây nhiễu gia đình, chửi mắng, đánh vợ và nhân viên quán cà phê của vợ, sự việc đã từng có công an can thiệp, những ý kiến bà T đưa ra là có căn cứ, thể hiện tại biên bản xác minh ngày 13/7/2020 tại tổ H, phường S và các tài liệu khác do nguyên đơn giao nộp gồm 01 Biên bản sự việc ngày 17/3/2020 do tổ công tác Công an phường S, thành phố Cao Bằng lập và 01 USB có 09 video, theo đó đều có nội dung ông Lâm Ngọc T có hành vi chửi mắng bà T tại Quán cafe của bà T. Từ đó cho thấy mâu thuẫn giữa hai vợ chồng đã trầm trọng, làm cho đời sống chung không thể kéo dài, cuộc sống hôn nhân không đạt được. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nông Thị T.

Về con chung: Bà T, ông T có 01 con chung tên là Lâm Ngọc H (sinh ngày 25/9/1998), con chung đã trưởng thành nên không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Từ phân tích trên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn bà Nông Thị T được ly hôn với ông Lâm Ngọc T.

- Về tài sản chung: Không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nội dung vụ án là ly hôn và tranh chấp về nuôi con chung. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án Tộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.

Bị đơn Lâm Ngọc T đã được Tòa án tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định của pháp luật. Mặc dù bị đơn Lâm Ngọc T đã nhận được văn bản tố tụng của Tòa án nhưng không đến Tòa án để giải quyết vụ án. Vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó, Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử. Tại phiên tòa, bị đơn được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Bị đơn không có yêu cầu phản tố trong vụ án này, do vậy căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn Lâm Ngọc T.

[2]. Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nông Thị T và ông Lâm Ngọc T kết hôn tự nguyện, có tìm hiểu và tổ chức lễ cưới tại hai bên gia đình, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng vào tháng 3 năm 1988. Xét hôn nhân giữa bà T và ông T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo đúng trình tự, thủ tục quy định. Do vậy, quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông T là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận.

- Về quá trình chung sống vợ chồng: Sau khi kết hôn bà T, ông T chung sống hòa thuận hạnh phúc được 05 năm thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, mâu thuẫn phát sinh từ năm 1993. Nguyên nhân mâu thuẫn theo bà T là do ông T chơi bời, cờ bạc, rượu chè, không có trách nhiệm với gia đình, ông T có tính gia trưởng. Ngoài ra, còn do ông T ngoại tình. Quá trình mâu thuẫn vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, xô xát nhiều lần nhưng không gây thương tích. Gia đình, anh em có góp ý nhưng ông T không thay đổi. Từ năm 2017 cho đến nay bà T ông T đã sống ly thân. Mâu thuẫn giữa hai vợ chồng cũng đã được Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng hòa giải nhiều lần. Tuy nhiên, cho đến nay vợ chồng vẫn không khắc phục được mâu thuẫn nên bà T yêu cầu ly hôn với ông T.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã đề cho các bên khắc phục mâu thuẫn, hàn gắn tình cảm để cùng nuôi dạy con chung. Thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng đã được tổng đạt cho các đương sự theo quy định, tuy nhiên tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải các ngày 08/5/2020, ngày 09/6/2020 và ngày 29/6/2020 ông T đều vắng mặt không có lý do nên Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Ngày 28/5/2020 Tòa án đã tiến hành lấy lời khai của bị đơn Lâm Ngọc T, theo đó ông T không nhất trí ly hôn bà Nông Thị T. Ông T cũng không cung cấp thêm bất cứ thông tin nào khác.

Ngày 13/7/2020 Tòa án tiến hành xác minh với tổ trưởng tổ H, phường S, thành phố Cao Bằng về hoàn cảnh gia đình, nguyên nhân mâu thuẫn giữa bà Nông Thị T và ông Lâm Ngọc T, theo đó nguyên nhân mâu thuẫn chính là do ông T là người nóng tính, hay quát mắng vợ. Quá trình mâu thuẫn vợ chồng có xảy ra cãi vã, ngoài ra ông T còn có hành vi tát bà T và vợ chồng đã ly thân từ khoảng đầu năm 2019 cho đến nay.

Đến ngày 14/7/2020, bà T đã giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ chứng minh mâu thuẫn vợ chồng, gồm: 01 Biên bản sự việc ngày 17/3/2020 do tổ công tác Công an phường S, thành phố Cao Bằng ghi nhận và 01 USB trong đó có 09 video, theo đó đều có nội dung ông Lâm Ngọc T có hành vi chửi mắng bà T tại Quán cafe T tại tổ N, phường S, thành phố Cao Bằng.

Tại phiên tòa, bà T khẳng định từ khi ly thân đến nay hai vợ chồng chưa có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm, khắc phục mâu thuẫn vợ chồng, bà T xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, kéo dài, không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa nên bà T giữ nguyên yêu cầu ly hôn ông Lâm Ngọc T.

Sau khi xem xét tình trạng hôn nhân và mức độ mâu thuẫn vợ chồng, Hội đồng xét xử nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa bà T và ông T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Yêu cầu xin ly hôn của bà T thỏa mãn những căn cứ cho ly hôn quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nông Thị T.

- Về con chung: Căn cứ vào tài liệu chứng cứ và lời khai bà T cung cấp, Hội đồng xét xử nhận thấy bà T và ông T có 01 con chung tên là Lâm Ngọc H - sinh ngày 25/9/1998 (giới tính: nam). Hiện nay con chung đã thành niên và không thuộc trường hợp không có khả năng lao động hoặc mất năng lực hành vi dân sự, bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra vấn đề xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà T xác định vợ chồng có tài sản chung nhưng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Ông T không đưa ra yêu cầu giải quyết về tài sản chung và tại phiên tòa ông H vắng mặt. Do vậy, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về tài sản trong vụ án này. Việc chia tài sản sẽ được giải quyết bằng vụ án khác khi có yêu cầu của các đương sự.

- Về nợ chung: Bà T xác định vợ chồng có nợ chung nhưng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ông T không đưa ra yêu cầu giải quyết về nợ chung. Do vậy, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức T, miễn, giảm, T, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. *Về hôn nhân*: Cho ly hôn giữa bà Nông Thị T và ông Lâm Ngọc T.

2. *Về nuôi con chung*: Con chung là Lâm Ngọc H - sinh ngày 25/9/1998 (giới tính: nam) đã thành niên và không thuộc trường hợp không có khả năng lao động hoặc mất năng lực hành vi dân sự. Nguyên đơn không yêu cầu tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

3. *Về chia tài sản*: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. *Về án phí*: Bà Nông Thị T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn để sung quỹ nhà nước. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm bà T đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2018/0000656 ngày 24 tháng 02 năm 2020 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng. Xác nhận bà Nông Thị T đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. *Về quyền kháng cáo*:

- Bà Nông Thị T (có mặt) có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

- Ông Lâm Ngọc T vắng mặt tại phiên tòa (không có lý do) có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh CB;
- VKSND TPCB;
- THADS TPCB;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

**TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Lê Thúy Hằng